

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP

Ngày 31/12/2025	4,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.1%	10.8%	-2.4%

DT thuần Q4/25
1,649
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 396 31.6%
YoY: ▼19.0 -1.2%

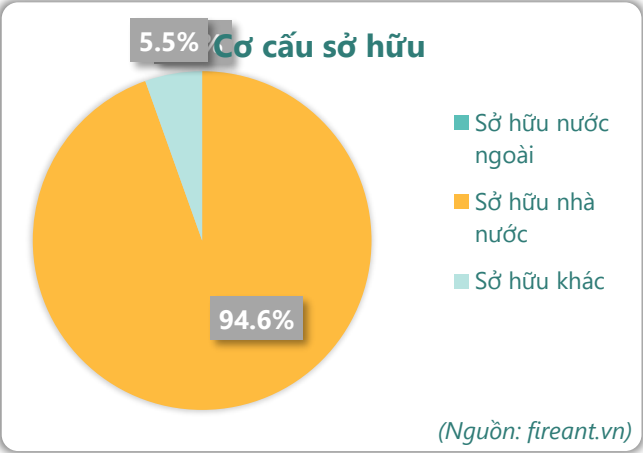
LN thuần Q4/25
0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.9 -97.0%
YoY: ▲ 7.69 105%

LN sau thuế Q4/25
-0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.5 -101%
YoY: ▲ 7.53 99.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE 2025
0.0%
YoY: +/-▲ 5.3%

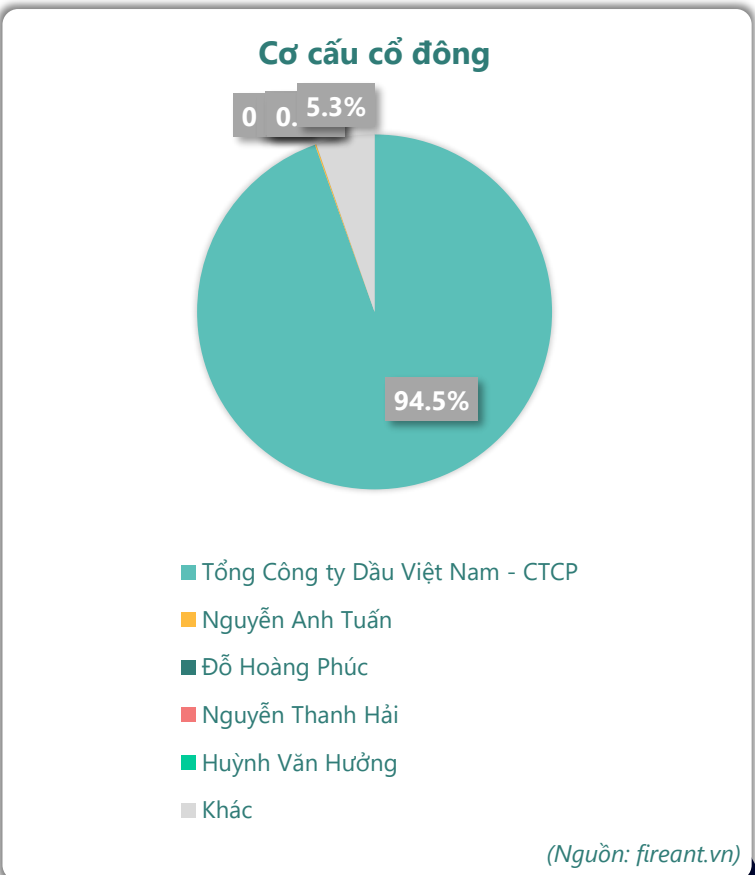
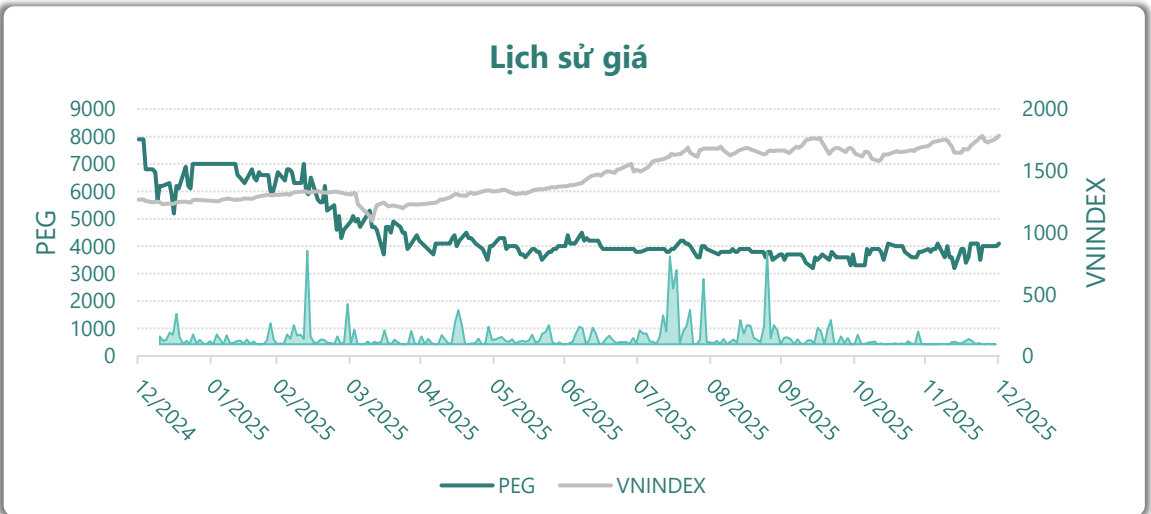
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 7,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,020
Số lượng CPLH (CP)	248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,375
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.84
EPS	
P/E	8631.1



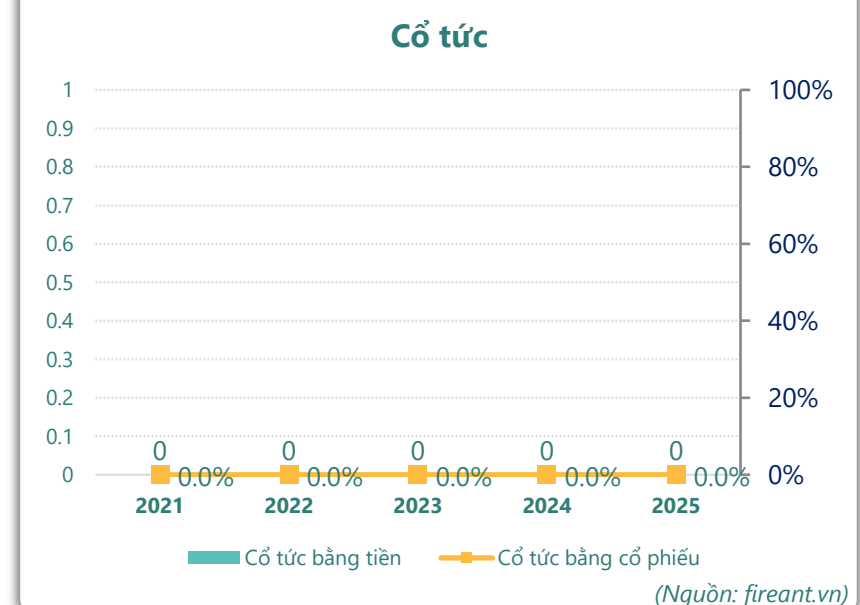
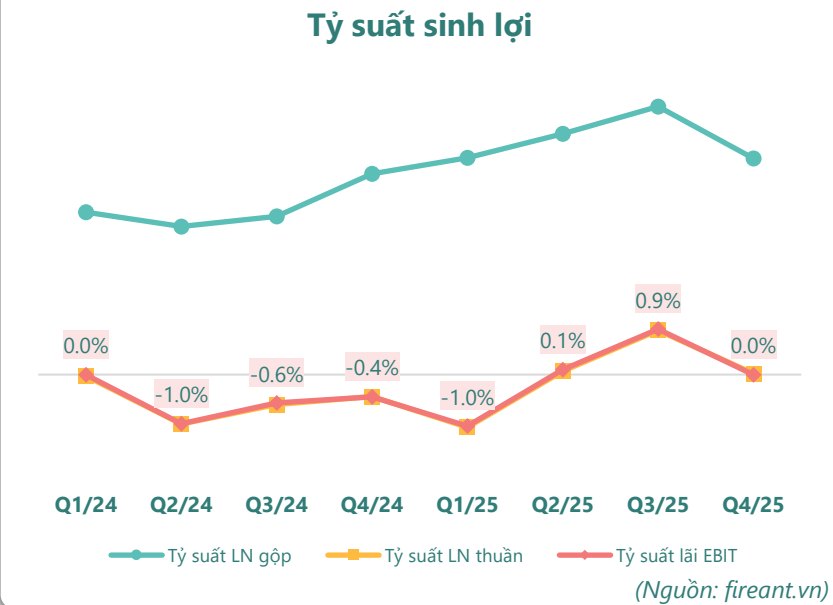
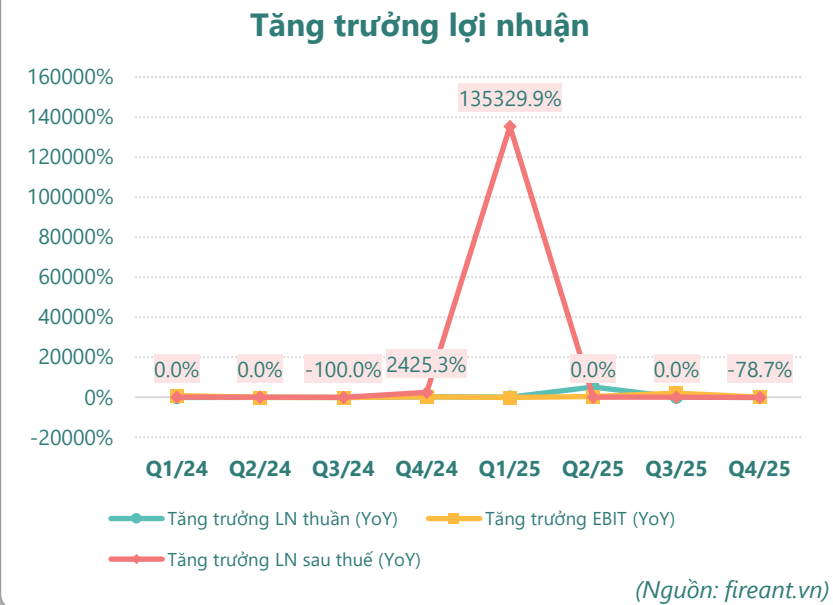
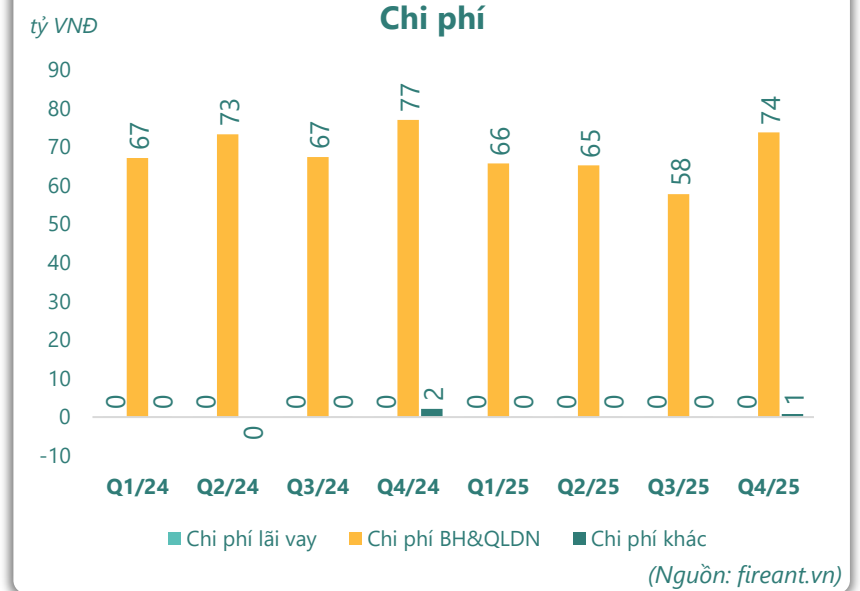
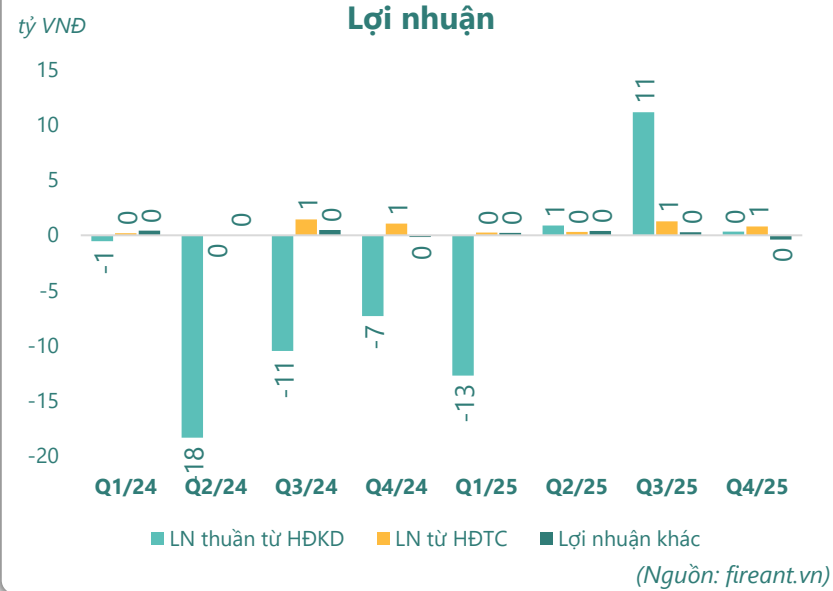
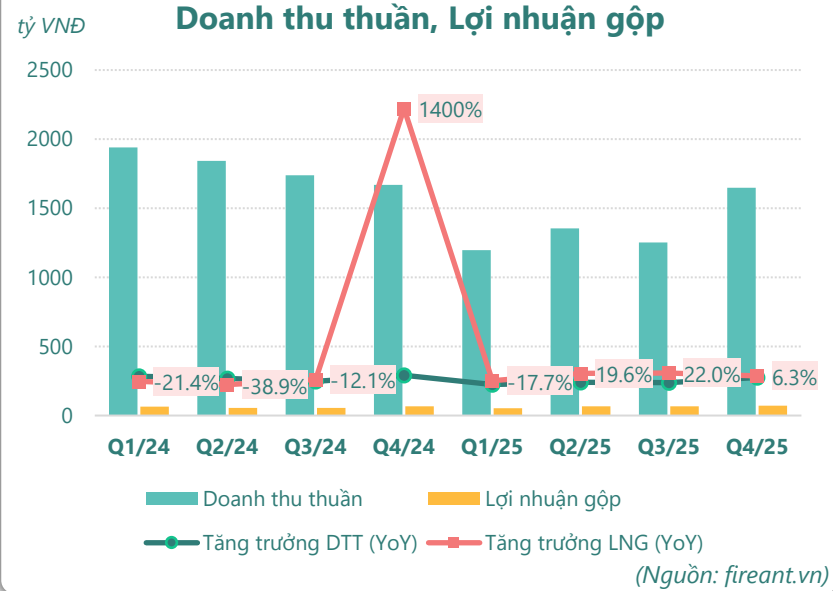
DT thuần 2025
5,452
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,738 -24.2%

LN thuần 2025
-0.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.4 99.1%

LN sau thuế 2025
0.09
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.1 100%



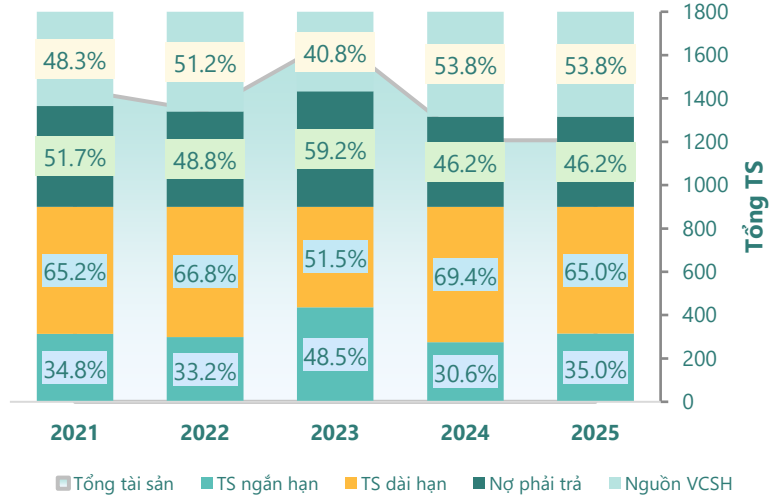
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

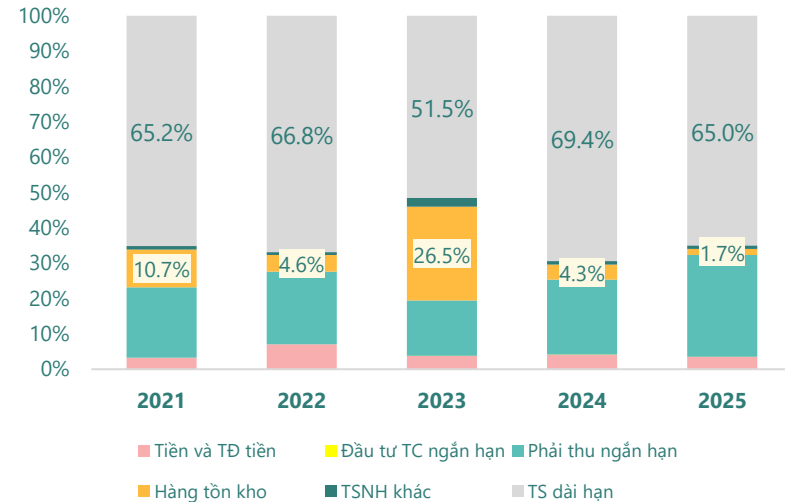
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

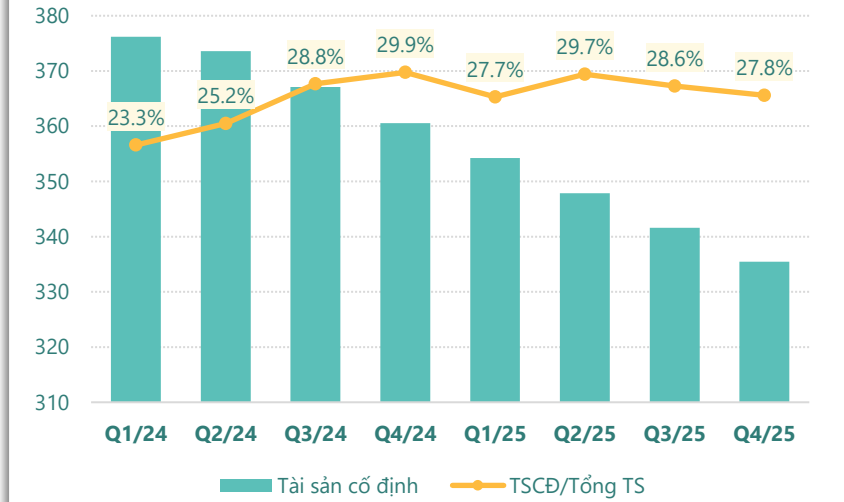
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

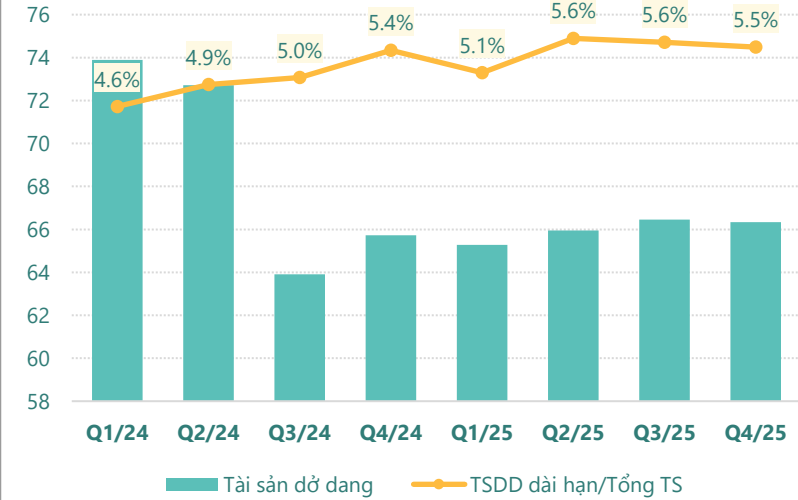
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

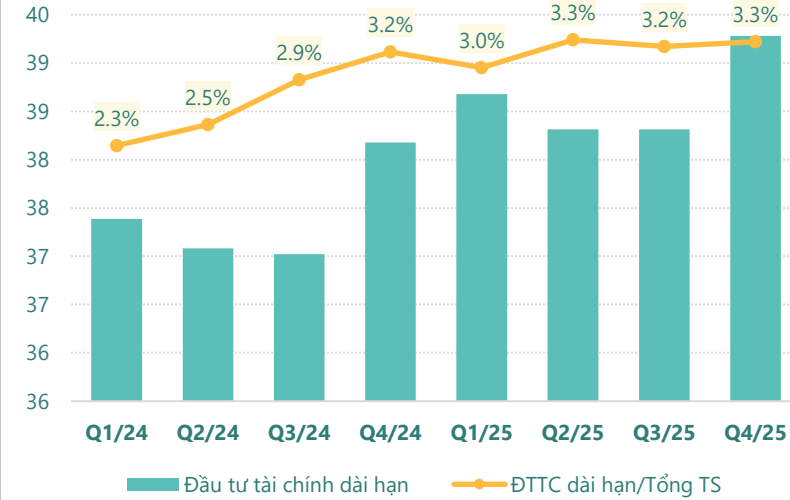
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

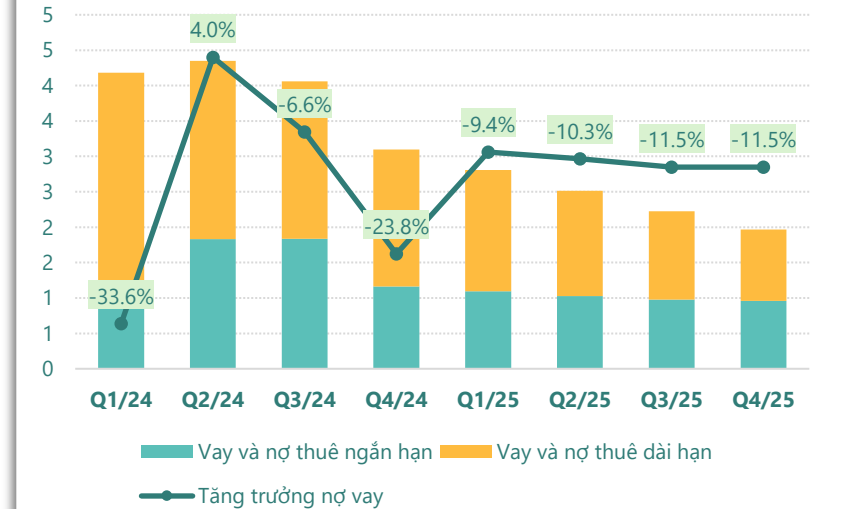
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

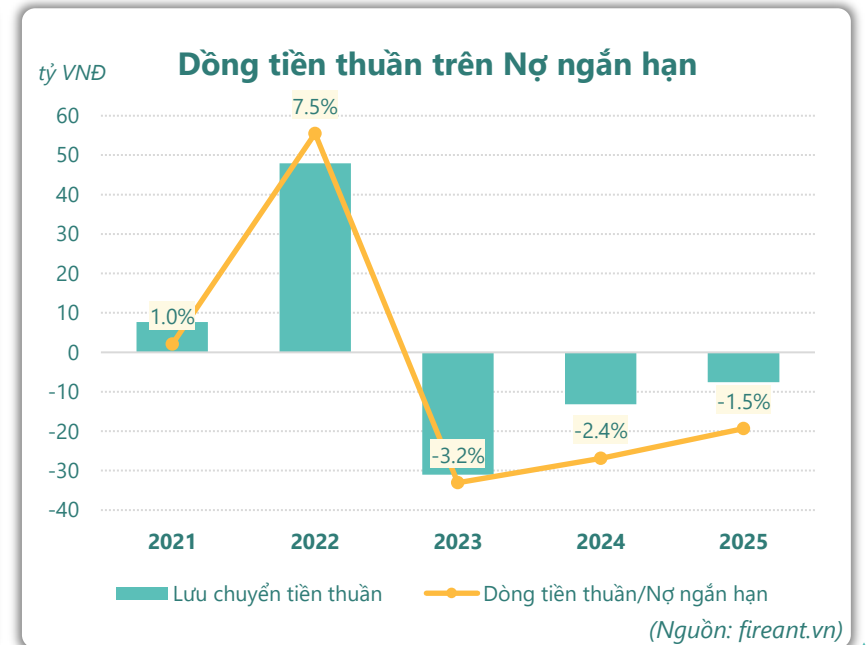
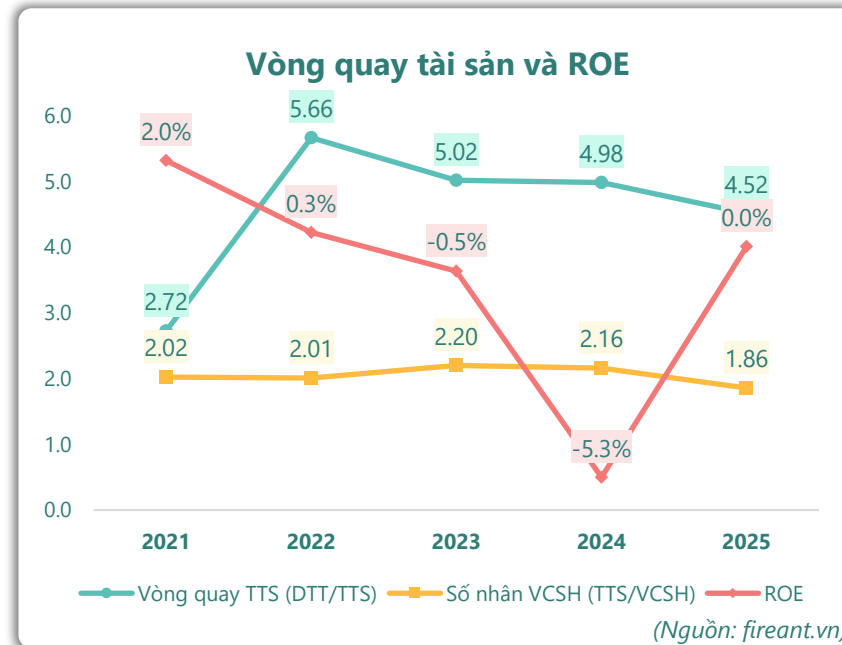
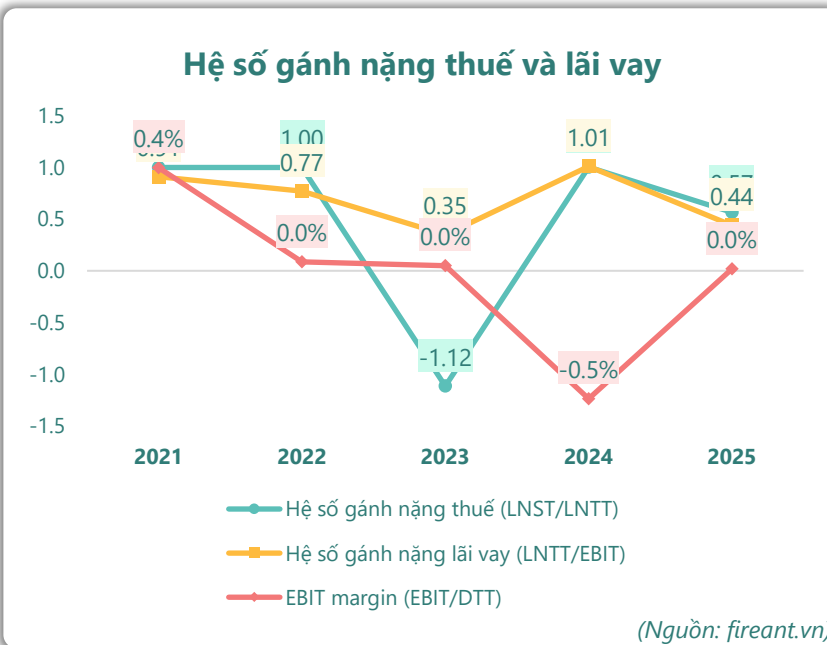
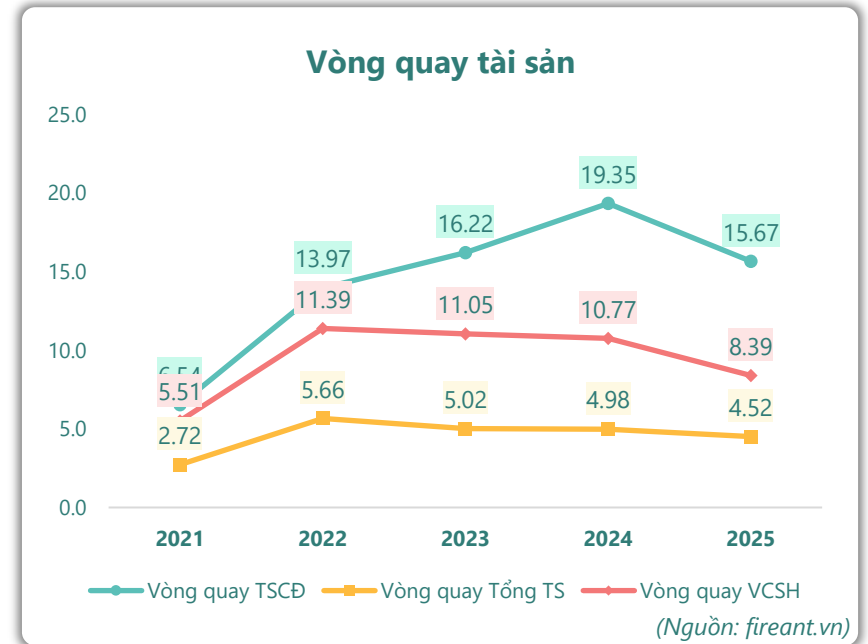
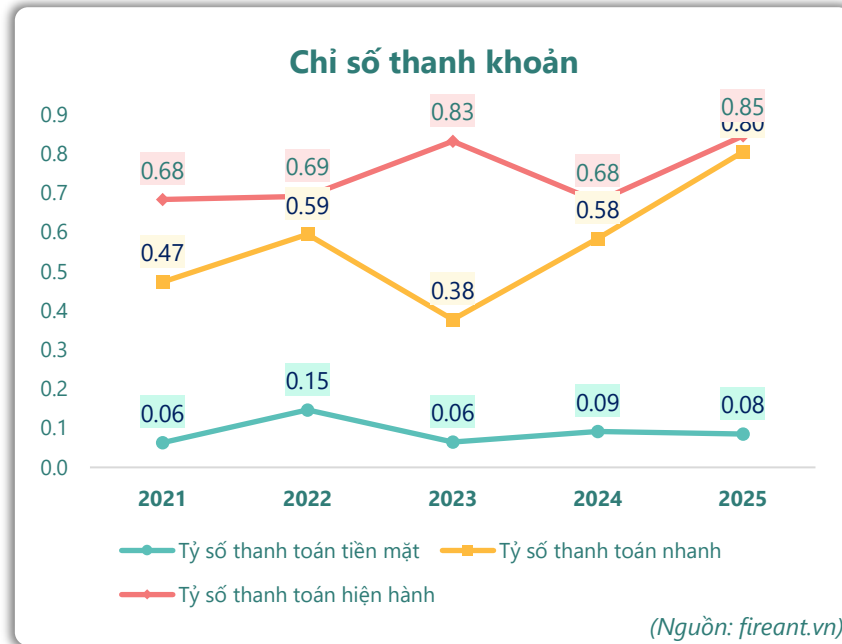
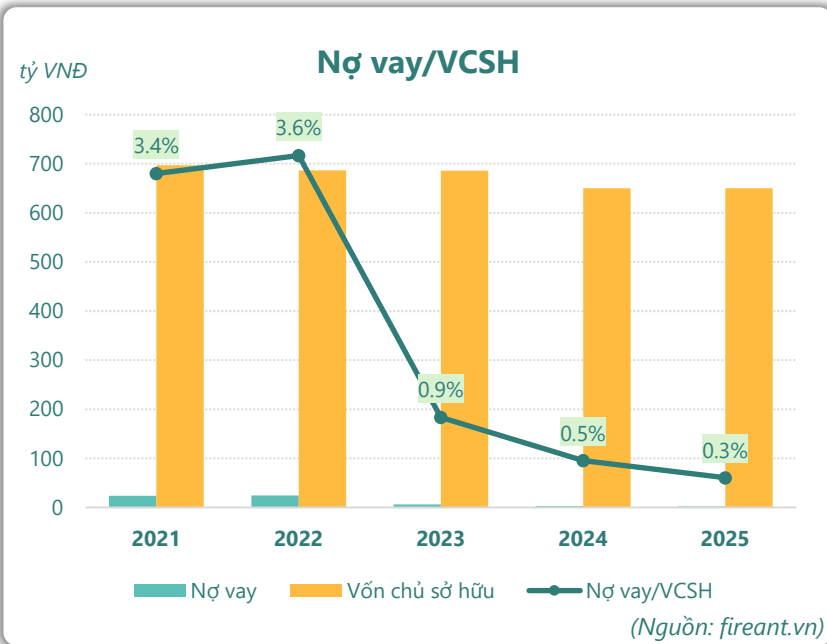
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,649	1,668	-1.2%	5,452	7,190	-24.2%
Giá vốn hàng bán	1,577	1,600	-1.4%	5,195	6,948	-25.2%
Lợi nhuận gộp	71.8	67.6	6.3%	258	242	6.5%
Doanh thu HĐTC	1.38	1.06	29.9%	3.70	3.28	12.9%
Chi phí TC	0.56	0.01	5526%	1.07	0.65	65.7%
Chi phí lãi vay	0.04	0.07	-36.9%	0.21	0.34	-36.8%
LN trong công ty LKLD	1.49	1.10	35.1%	1.96	4.00	-51.0%
Chi phí bán hàng	53.6	56.0	-4.3%	211	229	-7.8%
Chi phí QLDN	20.2	21.1	-4.1%	51.0	55.7	-8.5%
LN thuần từ HĐKD	0.34	-7.35	105%	-0.33	-36.7	99.1%
Lợi nhuận khác	-0.39	-0.16	-146%	0.50	0.77	-34.7%
LN trước thuế	-0.06	-7.51	99.3%	0.17	-35.9	100%
Lợi nhuận sau thuế	-0.08	-7.61	99.0%	0.09	-36.0	100%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.08	-7.94	99.0%	0.12	-35.1	100%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.22	-12.4	15.2	-0.11	-2.20	24.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.21	0.45	-4.39	3.85	-0.26	-43.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.29	-0.97	-0.29	-0.29	-0.29	-0.26
Tiền đầu kỳ	63.2	62.9	50.0	60.5	64.0	61.2
Lưu chuyển tiền thuần	-0.30	-12.9	10.5	3.45	-2.75	-18.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	62.9	50.0	60.5	64.0	61.2	42.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,207	1,207	0.0%
Tài sản ngắn hạn	423	369	14.4%
Tiền và tương đương tiền	42.5	50.0	-15.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	0.41	0.0%
Phải thu ngắn hạn	348	255	36.3%
Hàng tồn kho	20.5	51.4	-60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	12.3	-6.6%
Tài sản dài hạn	785	838	-6.4%
Phải thu dài hạn	2.51	2.50	0.5%
Tài sản cố định	335	361	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	66.3	65.7	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.3	38.2	2.9%
Tài sản dài hạn khác	341	371	-8.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	557	557	0.0%
Nợ ngắn hạn	500	544	-8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.96	1.13	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	393	455	-13.5%
Nợ dài hạn	57.3	13.0	340%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.01	1.97	-48.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

